

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH NINH BÌNH

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 THPT NĂM HỌC 2026-2027
TRƯỜNG THPT LÝ THƯỜNG KIỆT

(Kèm theo Quyết định số/QĐ-SGDĐT ngày 19/6/2026 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình)

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm thi			Ưu tiên	Khuyến khích	Điểm xét tuyển	Ghi chú
						Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ				
1	360001	BÙI BÌNH AN	Nữ	19/06/2011	THCS Tam Chúc	7.25	8.50	3.60	0.00	0.00	19.35	
2	030802	CHU MINH AN	Nam	25/08/2011	THCS Thanh Sơn	7.75	7.75	8.00	0.00	0.00	23.50	x
3	360005	NGUYỄN VŨ ĐỨC AN	Nam	26/01/2011	THCS Thanh Sơn	7.50	6.50	6.25	0.00	0.00	20.25	
4	360006	BÙI HÀ ANH	Nữ	11/01/2011	THCS Thi Sơn	7.50	8.00	9.00	0.00	0.00	24.50	
5	360007	BÙI PHƯƠNG ANH	Nữ	24/08/2011	THCS Thanh Sơn	7.25	6.75	5.75	0.00	0.00	19.75	
6	030327	DƯƠNG QUỲNH ANH	Nữ	12/04/2011	THCS Tam Chúc	9.50	8.25	9.15	0.00	0.00	26.90	x x
7	360009	ĐẶNG NGỌC ANH	Nữ	01/08/2011	THCS Thi Sơn	7.00	6.00	6.15	0.00	0.00	19.15	
8	360010	ĐINH DUY ANH	Nam	25/08/2011	THCS Thi Sơn	7.75	7.25	3.00	0.00	0.00	18.00	
9	360011	ĐINH HOÀNG ANH	Nam	22/11/2010	THCS Chu Văn An	6.50	8.00	3.35	0.00	0.00	17.85	
10	360012	ĐINH QUANG ANH	Nam	15/08/2011	THCS Thanh Sơn	6.25	7.00	4.75	0.00	0.00	18.00	
11	360014	ĐINH THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	29/06/2011	TH và THCS Liên Sơn	7.75	8.25	7.25	0.00	0.00	23.25	
12	360013	ĐINH THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	25/06/2011	THCS Lê Hồng Phong	3.75	7.75	5.00	0.00	0.00	16.50	
13	360015	ĐỖ HÀ ANH	Nữ	01/03/2011	THCS Thi Sơn	6.75	8.25	8.45	0.00	0.00	23.45	
14	360016	HOÀNG PHƯƠNG ANH	Nữ	11/07/2011	THCS Tam Chúc	5.75	8.00	4.60	0.00	0.00	18.35	
15	360019	LÊ TUẤN ANH	Nam	08/08/2011	THCS Thanh Sơn	8.50	6.50	6.25	0.00	0.00	21.25	
16	360022	NGUYỄN HẢI ANH	Nữ	06/06/2011	THCS Thanh Sơn	7.50	8.00	8.50	0.00	0.00	24.00	
17	360021	NGUYỄN HẢI ANH	Nam	23/08/2011	THCS Tam Chúc	3.75	7.25	6.35	0.00	0.00	17.35	
18	360023	NGUYỄN MINH ANH	Nữ	10/04/2011	THCS Thi Sơn	8.00	8.75	7.45	0.00	0.00	24.20	
19	360024	NGUYỄN NGỌC HẢI ANH	Nữ	24/07/2011	THCS Tam Chúc	6.50	7.75	7.75	0.00	0.00	22.00	
20	360026	NGUYỄN PHẠM NHẬT ANH	Nam	21/03/2011	THCS Thi Sơn	7.00	7.75	8.75	0.00	0.00	23.50	
21	360027	NGUYỄN PHẠM VIỆT ANH	Nam	09/05/2011	THCS Tam Chúc	7.25	6.50	6.20	0.00	0.00	19.95	
22	360028	NGUYỄN QUỲNH ANH	Nữ	21/02/2011	THCS Tam Chúc	8.00	8.50	7.30	0.00	0.00	23.80	
23	360029	NGUYỄN QUỲNH ANH	Nữ	27/10/2011	THCS Chu Văn An	7.25	7.50	8.50	0.00	0.00	23.25	
24	360030	NGUYỄN THỊ TRANG ANH	Nữ	24/07/2011	THCS Lê Hồng Phong	7.25	6.75	3.25	0.00	0.00	17.25	

25

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm thi			Ưu tiên	Khuyến khích	Điểm xét tuyển	Ghi chú
						Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ				
5	360033	NGUYỄN TUẤN ANH	Nam	14/04/2011	THCS Thanh Sơn	6.75	7.00	4.85	0.00	0.00	18.60	
6	360036	PHẠM HỒNG ANH	Nữ	08/05/2011	THCS Thi Sơn	7.75	7.75	9.25	0.00	0.00	24.75	
7	360037	PHẠM TUẤN ANH	Nam	19/01/2011	THCS Lê Hồng Phong	6.25	8.00	4.25	0.00	0.00	18.50	
8	360040	TẶNG HOÀNG ANH	Nam	08/11/2011	THCS Thi Sơn	9.00	7.75	7.10	0.00	0.00	23.85	
9	360041	TẶNG NGUYỄN PHƯƠNG ANH	Nữ	29/07/2011	THCS Thanh Sơn	8.50	7.75	7.30	0.00	0.00	23.55	
0	360044	TRẦN DUY ANH	Nam	16/12/2011	THCS Lê Hồng Phong	7.50	6.75	4.00	0.00	0.00	18.25	
1	360045	TRẦN MAI ANH	Nữ	02/08/2011	THCS Tam Chúc	7.25	8.00	5.85	0.00	0.00	21.10	
2	360052	VŨ THỊ PHƯƠNG ANH	Nữ	01/01/2011	THCS Tam Chúc	6.50	7.25	4.35	0.00	0.00	18.10	
3	360053	VŨ VIỆT ANH	Nam	04/10/2011	THCS Tam Chúc	7.25	8.00	4.25	0.00	0.00	19.50	
4	030155	ĐÀO NGỌC ÁNH	Nữ	18/05/2011	THCS Tam Chúc	8.75	8.00	9.05	0.00	0.00	25.80	*
5	360054	ĐINH THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	27/07/2011	THCS Thi Sơn	7.00	8.25	8.10	0.00	0.00	23.35	
6	360056	LÊ NGỌC ÁNH	Nữ	31/07/2011	THCS Tam Chúc	7.00	7.75	7.05	0.00	0.00	21.80	
7	360057	NGUYỄN THỊ ÁNH	Nữ	17/12/2011	THCS Thi Sơn	8.00	8.50	6.70	0.00	0.00	23.20	
8	360058	PHẠM THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	04/03/2011	THCS Thi Sơn	7.75	8.00	7.60	0.00	0.00	23.35	
9	360060	TRẦN NGỌC ÁNH	Nữ	09/06/2011	THCS Thanh Sơn	7.50	7.25	7.10	0.00	0.00	21.85	
0	360061	TRẦN THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	21/02/2011	TH và THCS Liên Sơn	5.75	7.50	4.45	0.00	0.00	17.70	
1	360063	HÀ THỊ HỒNG ANH	Nữ	09/09/2011	THCS Phù Vân	7.50	7.50	2.35	0.00	0.00	17.35	
2	360066	DƯƠNG GIA BẢO	Nam	24/07/2011	THCS Thanh Sơn	7.00	7.00	6.50	0.00	0.00	20.50	
3	360069	ĐINH GIA BẢO	Nam	18/06/2011	THCS Thi Sơn	7.00	8.50	5.00	0.00	0.00	20.50	
4	360068	ĐINH GIA BẢO	Nam	07/12/2011	THCS Thi Sơn	6.00	6.25	6.50	0.00	0.00	18.75	
5	360072	LÊ GIA BẢO	Nam	20/06/2011	THCS Tam Chúc	8.50	7.75	8.65	0.00	0.00	24.90	
6	360073	NGUYỄN DUY BẢO	Nam	10/07/2011	THCS Thi Sơn	7.25	7.50	5.85	0.00	0.00	20.60	
7	360075	NGUYỄN GIA BẢO	Nam	01/10/2011	THCS Thi Sơn	8.50	7.50	8.00	0.00	0.00	24.00	
8	360074	NGUYỄN GIA BẢO	Nam	27/01/2011	THCS Thanh Sơn	7.25	7.50	7.55	0.00	0.00	22.30	
9	360079	TRẦN GIA BẢO	Nam	06/07/2011	THCS Tam Chúc	8.00	7.50	4.25	0.00	0.00	19.75	
0	360080	ĐINH NGỌC BÍCH	Nữ	14/12/2011	THCS Thi Sơn	6.00	8.25	5.45	0.00	0.00	19.70	
1	360081	NGUYỄN HOÀNG NGỌC BÍCH	Nữ	15/12/2011	THCS Thi Sơn	7.50	8.00	7.05	1.00	0.00	23.55	
2	360084	ĐỖ VĂN CẢNH	Nam	15/02/2011	THCS Thi Sơn	6.00	6.00	4.60	0.00	0.00	16.60	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm thi			Ưu tiên	Khuyến khích	Điểm xét tuyển	Ghi chú
						Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ				
53	360085	TRỊNH BẢO CHÂM	Nữ	26/09/2011	THCS Thanh Sơn	6.50	8.00	4.35	0.00	0.00	18.85	
54	360086	LÊ NGỌC BẢO CHÂU	Nữ	05/10/2011	THCS Tam Chúc	6.75	7.75	5.50	0.00	0.00	20.00	
55	360088	TRỊNH BẢO CHÂU	Nữ	30/11/2011	THCS Thi Sơn	6.50	8.00	5.85	0.00	0.00	20.35	
56	360089	BÙI LÊ THÁI CHI	Nữ	24/08/2011	THCS Tam Chúc	8.50	8.00	8.40	0.00	0.00	24.90	
57	360092	NGUYỄN QUỲNH CHI	Nữ	20/03/2011	THCS Tam Chúc	8.00	8.50	9.35	0.00	0.00	25.85	
58	360093	NGUYỄN QUỲNH CHI	Nữ	18/12/2011	THCS Thi Sơn	5.00	6.75	5.60	0.00	0.00	17.35	
59	360094	NGUYỄN DUY CHINH	Nam	03/09/2011	THCS Thi Sơn	7.50	7.50	7.30	0.00	0.00	22.30	
60	360097	DƯƠNG NGỌC DIỆP	Nữ	10/12/2011	THCS Thanh Sơn	9.25	8.75	8.20	0.00	0.00	26.20	
61	360098	LƯU THANH DIỆP	Nữ	02/11/2011	THCS Thanh Sơn	7.00	7.75	5.60	0.00	0.00	20.35	
62	360099	PHAN BÍCH DIỆP	Nữ	25/12/2011	THCS Tam Chúc	7.25	7.50	4.00	0.00	0.00	18.75	
63	360101	BÙI TRÍ DŨNG	Nam	08/01/2011	THCS Thanh Sơn	7.75	8.00	7.85	1.00	0.00	24.60	
64	360102	ĐỖ MẠNH DŨNG	Nam	21/10/2011	THCS Lê Hồng Phong	8.00	7.00	6.85	0.00	0.00	21.85	
65	360104	MAI TIỀN DŨNG	Nam	18/11/2011	THCS Lương Khánh Thiện	5.25	6.25	5.25	0.00	0.00	16.75	
66	360105	NGUYỄN ANH DŨNG	Nam	11/01/2011	THCS Thi Sơn	6.00	7.00	7.60	0.00	0.00	20.60	
67	360106	NGUYỄN BÁ DŨNG	Nam	06/03/2011	THCS Thi Sơn	8.00	8.25	7.35	0.00	0.00	23.60	
68	360108	PHẠM ĐỨC DŨNG	Nam	28/10/2011	THCS Tam Chúc	6.75	6.50	6.25	0.00	0.00	19.50	
69	360109	PHẠM PHÚC HOÀNG DŨNG	Nam	20/02/2011	THCS Thanh Sơn	6.50	8.00	8.35	0.00	0.00	22.85	
70	360110	TẶNG VĂN DŨNG	Nam	09/01/2011	THCS Thi Sơn	8.00	7.75	6.25	0.00	0.00	22.00	
71	360115	TRẦN NGUYỄN KHÁNH DUY	Nam	18/03/2011	THCS Thi Sơn	5.75	7.25	8.30	0.00	0.00	21.30	
72	360116	TRƯƠNG LÊ ĐỨC DUY	Nam	20/07/2011	THCS Thanh Sơn	5.00	5.75	6.00	0.00	0.00	16.75	
73	360117	ĐỖ MINH DƯƠNG	Nam	23/04/2011	THCS Kim Bình	7.00	6.25	5.10	0.00	0.00	18.35	
74	360118	PHẠM THỊ THUY DƯƠNG	Nữ	02/09/2011	THCS Thanh Sơn	6.75	7.50	4.25	0.00	0.00	18.50	
75	360119	TRẦN THÁI DƯƠNG	Nam	08/07/2011	THCS Tam Chúc	7.75	6.50	7.50	0.00	0.00	21.75	
76	360120	VŨ TRẦN ĐĂNG DƯƠNG	Nam	01/02/2011	THCS Châu Sơn	6.25	7.75	7.45	0.00	0.00	21.45	
77	360121	VŨ TÙNG DƯƠNG	Nam	16/09/2011	THCS Thanh Sơn	7.00	7.00	6.25	0.00	0.00	20.25	
78	360122	ĐÀO ANH ĐẠI	Nam	28/03/2011	THCS Đồng Hóa	7.50	6.00	3.75	0.00	0.00	17.25	
79	360127	NGUYỄN MINH ĐẠT	Nam	21/09/2011	TH và THCS Liên Sơn	8.50	6.75	7.60	0.00	0.00	22.85	
80	360131	NGUYỄN TIỀN ĐẠT	Nam	26/04/2011	THCS Thanh Sơn	8.50	8.00	7.60	0.00	0.00	24.10	




T	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm thi			Ưu tiên	Khuyến khích	Điểm xét tuyển	Ghi chú
						Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ				
1	360130	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	Nam	17/02/2011	THCS Thanh Sơn	5.25	7.25	5.75	0.00	0.00	18.25	
2	360135	PHẠM MINH ĐẠT	Nam	27/08/2011	THCS Thanh Sơn	4.50	6.25	7.00	0.00	0.00	17.75	
3	360138	ĐỖ MINH ĐĂNG	Nam	09/11/2011	THCS Thi Sơn	8.50	7.75	5.70	0.00	0.00	21.95	
4	360141	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	Nam	08/08/2011	THCS Thi Sơn	8.25	7.50	8.30	0.00	0.00	24.05	
5	360139	NGUYỄN HẢI ĐĂNG	Nam	15/02/2011	TH và THCS Liên Sơn	7.75	7.25	5.25	0.00	0.00	20.25	
6	360143	PHẠM NGỌC ĐIỆP	Nam	20/08/2011	THCS Lê Hồng Phong	7.75	7.25	3.25	0.00	0.00	18.25	
7	360145	PHẠM THÀNH ĐỒ	Nam	30/11/2011	THCS Thanh Sơn	7.25	6.25	6.25	0.00	0.00	19.75	
8	360149	NGÔ MINH ĐỨC	Nam	03/01/2011	THCS Lê Hồng Phong	8.00	7.50	7.30	0.00	0.00	22.80	
9	360150	NGUYỄN MINH ĐỨC	Nam	30/08/2011	THCS Thi Sơn	7.25	6.25	6.50	0.00	0.00	20.00	
0	360151	NGUYỄN TRẦN TIẾN ĐỨC	Nam	08/07/2011	TH và THCS Liên Sơn	8.50	7.50	8.80	0.00	0.00	24.80	
1	030167	PHẠM NGUYỄN MINH ĐỨC	Nam	11/04/2011	THCS Trần Phú	6.50	7.00	5.25	0.00	0.00	18.75	×
2	360152	TRẦN VĂN ĐỨC	Nam	09/06/2011	THCS Tam Chúc	7.00	6.00	7.25	0.00	0.00	20.25	
3	360156	NGUYỄN HẢI GIANG	Nữ	25/12/2011	THCS Thanh Sơn	7.75	7.50	7.35	0.00	0.00	22.60	
4	360158	NGUYỄN TRÀ GIANG	Nữ	17/05/2011	THCS Thi Sơn	8.25	8.50	6.35	0.00	0.00	23.10	
5	360159	NGUYỄN TRƯỜNG GIANG	Nam	20/10/2011	THCS Thi Sơn	7.50	6.00	5.95	0.00	0.00	19.45	
6	360161	CHU KHÁNH HÀ	Nữ	23/11/2011	THCS Thanh Sơn	6.00	6.50	6.60	0.00	0.00	19.10	
7	360162	ĐINH NGỌC HÀ	Nữ	20/11/2011	THCS Thanh Sơn	8.50	7.00	7.25	0.00	0.00	22.75	
8	360163	ĐINH THỊ NGỌC HÀ	Nữ	09/04/2011	THCS Tam Chúc	6.75	6.00	4.00	0.00	0.00	16.75	
9	360171	PHẠM QUANG HẢI	Nam	11/02/2011	THCS Thanh Sơn	7.50	7.25	4.25	0.00	0.00	19.00	
00	360174	LÊ THỊ MINH HẰNG	Nữ	07/02/2011	THCS Thanh Sơn	8.00	8.25	6.60	0.00	0.00	22.85	
01	360176	TRƯỜNG THANH HẰNG	Nữ	07/11/2011	THCS Thanh Sơn	8.00	7.75	6.85	0.00	0.00	22.60	
02	360177	VƯƠNG THANH HẰNG	Nữ	03/02/2011	THCS Tam Chúc	6.25	8.00	7.35	0.00	0.00	21.60	
03	360178	ĐỖ NGỌC BẢO HÂN	Nữ	24/01/2011	THCS Thi Sơn	7.25	7.00	5.10	0.00	0.00	19.35	
04	360179	MAI GIA HÂN	Nam	16/10/2011	THCS Thanh Sơn	9.00	7.75	9.10	0.00	0.00	25.85	
05	360180	NGUYỄN GIA HÂN	Nữ	21/08/2011	THCS Thi Sơn	4.50	8.00	6.75	0.00	0.00	19.25	
06	360181	NGUYỄN VŨ BẢO HÂN	Nữ	21/04/2011	THCS Thi Sơn	7.00	8.25	6.45	0.00	0.00	21.70	
07	360183	ĐINH THỊ THU HIỀN	Nữ	19/06/2011	THCS Thi Sơn	6.75	7.00	7.70	0.00	0.00	21.45	
08	360184	HOÀNG THỊ THU HIỀN	Nữ	13/02/2011	TH và THCS Liên Sơn	7.25	6.00	6.00	0.00	0.00	19.25	
09	360185	NGUYỄN THU HIỀN	Nữ	04/01/2011	THCS Thi Sơn	7.50	8.50	5.60	0.00	0.00	21.60	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm thi			Ưu tiên	Khuyến khích	Điểm xét tuyển	Ghi chú
						Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ				
110	360186	ĐINH HỮU HIỆP	Nam	31/10/2011	THCS Thi Sơn	7.00	7.25	5.85	0.00	0.00	20.10	
111	360188	ĐINH CÔNG ĐỨC HIẾU	Nam	29/05/2011	THCS Thi Sơn	8.50	8.00	8.90	0.00	0.00	25.40	
112	360189	ĐINH VĂN HIẾU	Nam	29/01/2011	THCS Thi Sơn	5.75	7.50	5.20	0.00	0.00	18.45	
113	360190	NGUYỄN MINH HIẾU	Nam	24/07/2011	THCS Tam Chúc	7.50	7.25	7.55	0.00	0.00	22.30	
114	360197	NGUYỄN HẢI HÒA	Nữ	06/11/2011	TH và THCS Liên Sơn	7.50	7.50	6.85	0.00	0.00	21.85	
115	360198	NGUYỄN NGỌC HOÀN	Nam	03/03/2011	TH và THCS Liên Sơn	9.50	7.50	7.55	0.00	0.00	24.55	
116	360200	ĐINH TIẾN HOÀNG	Nam	17/07/2011	THCS Thanh Sơn	7.00	8.00	5.75	0.00	0.00	20.75	
117	360202	NGÔ ĐỨC MINH HOÀNG	Nam	05/09/2011	THCS Thanh Sơn	6.25	7.00	8.25	0.00	0.00	21.50	
118	360203	NGUYỄN MINH HOÀNG	Nam	27/12/2011	THCS Thanh Sơn	5.25	5.75	6.00	0.00	0.00	17.00	
119	360206	ĐINH HỮU HỢP	Nam	16/01/2011	THCS Lê Hồng Phong	5.50	5.50	5.50	0.00	0.00	16.50	
120	360207	ĐINH QUANG HỢP	Nam	15/12/2011	THCS Trần Quốc Toản	5.25	5.75	5.60	0.00	0.00	16.60	
121	360208	ĐINH THỊ THANH KIM HUỆ	Nữ	30/07/2011	THCS Thi Sơn	7.25	8.25	4.45	0.00	0.00	19.95	
122	360209	BÙI HUY HÙNG	Nam	29/11/2011	THCS Thanh Sơn	7.75	7.00	6.00	0.00	0.00	20.75	
123	360210	ĐINH TUẤN HÙNG	Nam	17/12/2011	THCS Trần Quốc Toản	7.50	7.25	4.75	0.00	0.00	19.50	
124	360212	NGUYỄN MẠNH HÙNG	Nam	03/03/2011	THCS Tam Chúc	9.50	7.25	8.15	0.00	0.00	24.90	
125	360215	PHẠM ĐỨC HÙNG	Nam	13/10/2011	THCS Tam Chúc	6.50	6.00	6.10	0.00	0.00	18.60	
126	360217	ĐINH HOÀNG HUY	Nam	14/07/2011	THCS Chu Văn An	9.00	8.25	8.85	0.00	0.00	26.10	
127	360218	ĐINH NHẬT HUY	Nam	15/04/2011	THCS Thi Sơn	6.75	7.50	6.70	0.00	0.00	20.95	
128	360219	ĐINH VĂN HUY	Nam	28/10/2011	THCS Thi Sơn	7.75	7.75	7.70	0.00	0.00	23.20	
129	360220	ĐINH VĂN HUY	Nam	05/01/2011	THCS Thi Sơn	6.75	7.50	6.20	0.00	0.00	20.45	
130	360221	LÃ GIA HUY	Nam	09/04/2011	THCS Tam Chúc	9.50	7.50	8.65	0.00	0.00	25.65	
131	360222	LƯƠNG GIA HUY	Nam	28/02/2011	THCS Thi Sơn	8.50	8.00	8.05	0.00	0.00	24.55	
132	360223	NGUYỄN VĂN HUY	Nam	20/10/2011	THCS Thanh Sơn	7.75	6.75	4.25	0.00	0.00	18.75	
133	360225	PHẠM NHẬT HUY	Nam	06/05/2011	THCS Thanh Sơn	6.50	6.50	6.25	0.00	0.00	19.25	
134	360226	TRẦN NGUYỄN QUANG HUY	Nam	08/12/2011	THCS Thanh Sơn	6.00	5.25	6.50	0.00	0.00	17.75	
135	360227	TRẦN TUẤN HUY	Nam	18/11/2011	THCS Tam Chúc	7.25	7.25	8.30	0.00	0.00	22.80	
136	360228	TRỊNH QUANG HUY	Nam	16/09/2011	THCS Thanh Sơn	6.00	6.75	6.70	0.00	0.00	19.45	
137	360229	TRỊNH VĂN HUY	Nam	04/07/2011	THCS Thi Sơn	8.00	7.00	4.80	0.00	0.00	19.80	
138	360232	TRẦN THU HUYỀN	Nữ	21/07/2011	THCS Thi Sơn	9.25	8.25	8.15	0.00	0.00	25.65	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm thi			Ưu tiên	Khuyến khích	Điểm xét tuyển	Ghi chú
						Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ				
39	360236	TRƯƠNG VIỆT HÙNG	Nam	29/04/2011	THCS Thanh Sơn	6.75	7.25	4.35	0.00	0.00	18.35	
40	360238	BÙI THỊ XUÂN HƯƠNG	Nữ	02/01/2011	THCS Thi Sơn	8.50	8.00	8.00	0.00	0.50	25.00	
41	360239	ĐỖ QUỲNH HƯƠNG	Nữ	04/09/2011	THCS Tam Chúc	6.25	8.25	5.50	0.00	0.00	20.00	
42	360243	ĐOÀN PHÚC KHANG	Nam	18/10/2011	THCS Châu Sơn	7.75	6.75	5.75	0.00	0.00	20.25	
43	360244	NGUYỄN KHÁNH KHANG	Nam	04/04/2011	THCS Ngọc Sơn	6.50	7.25	7.30	0.00	0.00	21.05	
44	360245	TRƯƠNG TUẤN KHANH	Nam	05/07/2011	THCS Thanh Sơn	8.25	8.00	7.70	0.00	0.00	23.95	
45	360247	BÙI VĂN KHÁNH	Nữ	12/03/2011	THCS Chu Văn An	8.25	6.75	8.45	0.00	0.00	23.45	
46	360248	ĐINH QUỐC KHÁNH	Nam	02/09/2011	THCS Thi Sơn	8.50	8.75	5.10	0.00	0.00	22.35	
47	030367	NGUYỄN NAM KHÁNH	Nam	04/05/2011	TH và THCS Liên Sơn	9.00	7.50	8.75	0.00	0.00	25.25	
48	360252	CAO ĐĂNG KHOA	Nam	03/09/2011	THCS Thi Sơn	7.75	7.75	6.35	0.00	0.00	21.85	
49	360254	NGUYỄN ĐĂNG KHOA	Nam	26/10/2011	THCS Thanh Sơn	8.00	6.75	5.00	0.00	0.00	19.75	
50	360255	NGUYỄN ĐỨC KHOA	Nam	17/07/2011	THCS Thi Sơn	8.25	8.50	8.25	0.00	1.50	26.50	
51	360256	PHẠM NGUYỄN ĐĂNG KHOA	Nam	18/07/2011	THCS Lê Hồng Phong	5.00	7.00	5.35	0.00	0.00	17.35	
52	360257	NGUYỄN MINH KHÔI	Nam	11/12/2011	THCS Thanh Sơn	7.75	8.00	8.65	0.00	0.00	24.40	
53	360259	NGÔ ANH KIÊN	Nam	12/01/2011	TH và THCS Liên Sơn	9.00	8.25	9.00	0.00	0.00	26.25	
54	360260	NGUYỄN ĐỨC KIÊN	Nam	26/06/2011	THCS Thi Sơn	8.50	7.75	7.50	0.00	0.00	23.75	
55	360261	NGUYỄN TRẦN KIÊN	Nam	10/04/2011	TH và THCS Liên Sơn	7.25	6.50	5.20	0.00	0.00	18.95	
56	360263	BÙI KHẢI KIẾT	Nam	15/01/2011	THCS Tam Chúc	5.75	5.25	5.75	0.00	0.00	16.75	
57	360264	HOÀNG ANH KIẾT	Nam	06/06/2011	THCS Tam Chúc	7.00	6.75	4.10	1.00	0.00	18.85	
58	360266	TRẦN HOÀNG LAM	Nữ	27/09/2011	THCS Chu Văn An	6.75	8.25	7.20	0.00	0.00	22.20	
59	360267	NGUYỄN NGỌC LAN	Nữ	24/09/2011	THCS Chu Văn An	7.00	7.50	7.05	0.00	0.00	21.55	
60	360268	NGUYỄN THỊ MAI LAN	Nữ	20/06/2011	TH và THCS Liên Sơn	7.75	6.50	6.20	0.00	0.00	20.45	
61	360269	PHẠM QUỲNH LAN	Nữ	28/07/2011	THCS Thanh Sơn	8.00	7.50	6.30	0.00	0.00	21.80	
62	360270	ĐẶNG QUANG TÙNG LÂM	Nam	03/02/2011	THCS Chu Văn An	7.75	8.00	7.30	0.00	0.00	23.05	
63	360272	LÊ TÙNG LÂM	Nam	16/03/2011	THCS Chu Văn An	6.50	6.25	8.00	0.00	0.00	20.75	
64	360273	NGUYỄN BÁ TÙNG LÂM	Nam	13/01/2011	THCS Thi Sơn	5.25	6.75	8.15	0.00	0.00	20.15	
65	360274	CHU THỊ MỸ LỆ	Nữ	20/10/2011	TH và THCS Liên Sơn	7.00	7.50	6.60	0.00	0.00	21.10	
66	360275	PHẠM THỊ TUYẾT LIÊN	Nữ	05/08/2011	THCS Lê Hồng Phong	6.75	7.50	3.50	0.00	0.00	17.75	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm thi			Ưu tiên	Khuyến khích	Điểm xét tuyển	Ghi chú
						Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ				
167	360276	ĐẶNG PHƯƠNG LINH	Nữ	02/05/2011	TH và THCS Liên Sơn	7.75	7.75	7.60	0.00	0.00	23.10	
168	360277	ĐINH NGỌC LINH	Nữ	02/01/2011	THCS Thi Sơn	4.25	8.25	5.50	0.00	0.00	18.00	
169	360278	ĐINH THỊ LINH	Nữ	02/10/2011	THCS Thi Sơn	9.00	8.50	8.05	0.00	0.00	25.55	
170	360279	ĐINH THỊ HÀ LINH	Nữ	14/03/2011	THCS Chu Văn An	6.25	7.75	8.50	0.00	0.00	22.50	
171	360280	ĐINH THỊ HÀ LINH	Nữ	06/09/2011	THCS Thanh Sơn	7.25	8.00	6.70	0.00	0.00	21.95	
172	360281	ĐINH VŨ GIA LINH	Nữ	11/11/2011	THCS Tam Chúc	4.75	7.25	5.25	0.00	0.00	17.25	
173	360283	LÊ KHÁNH LINH	Nữ	29/05/2011	THCS Thanh Sơn	8.50	8.25	8.40	0.00	0.00	25.15	
174	360284	LÊ NGỌC PHƯƠNG LINH	Nữ	22/02/2011	THCS Thanh Châu	5.50	6.25	5.00	0.00	0.00	16.75	
175	360285	LÊ THỊ PHƯƠNG LINH	Nữ	30/05/2011	THCS Thanh Sơn	8.50	7.25	5.75	0.00	0.00	21.50	
176	030636	MA THỊ THỦY LINH	Nữ	07/01/2011	THCS Thanh Sơn	8.75	8.75	7.40	1.00	0.00	25.90	✓
177	360286	NGUYỄN HOÀNG LINH	Nữ	29/06/2011	THCS Tam Chúc	8.50	8.50	7.75	0.00	0.00	24.75	
178	360287	NGUYỄN KHÁNH LINH	Nữ	06/03/2011	THCS Tam Chúc	7.50	6.00	8.55	0.00	0.00	22.05	
179	360289	NGUYỄN THỊ THỦY LINH	Nữ	07/06/2011	THCS Tam Chúc	7.50	7.75	6.60	0.00	0.00	21.85	
180	360292	NGUYỄN THỦY LINH	Nữ	14/08/2011	THCS Thi Sơn	7.50	9.00	6.20	0.00	0.00	22.70	
181	360291	NGUYỄN THỦY LINH	Nữ	22/04/2011	THCS Tam Chúc	4.00	8.50	7.60	0.00	0.00	20.10	
182	360293	PHẠM KHÁNH LINH	Nữ	01/01/2011	THCS Tam Chúc	7.25	6.50	4.50	0.00	0.00	18.25	
183	360295	TRẦN THỊ HÀ LINH	Nữ	30/07/2011	TH và THCS Liên Sơn	6.50	7.75	5.75	0.00	0.00	20.00	
184	360297	NGUYỄN MAI LOAN	Nữ	19/02/2011	THCS Tam Chúc	8.50	8.25	8.15	0.00	0.00	24.90	
185	360299	ĐINH ĐĂNG LONG	Nam	27/07/2011	THCS Thi Sơn	5.25	7.50	5.35	0.00	0.00	18.10	
186	360303	ĐINH ĐỨC LỘC	Nam	03/02/2011	THCS Thi Sơn	8.00	8.50	6.10	0.00	0.00	22.60	
187	360304	NGUYỄN XUÂN LỘC	Nam	01/11/2011	THCS Trần Quốc Toản	7.00	5.75	4.25	0.00	0.00	17.00	
188	360305	VƯƠNG GIA LỘC	Nam	26/10/2011	TH và THCS Liên Sơn	8.50	7.75	7.60	0.00	0.00	23.85	
189	360306	ĐINH THỊ DIỆU LY	Nữ	30/10/2011	THCS Thi Sơn	6.25	8.00	3.35	0.00	0.00	17.60	
190	360307	ĐINH THỊ KHÁNH LY	Nữ	04/12/2011	THCS Thanh Sơn	6.25	8.25	5.35	0.00	0.00	19.85	
191	360308	LÊ THẢO LY	Nữ	05/12/2011	THCS Thanh Sơn	7.50	8.50	8.15	0.00	0.00	24.15	
192	360309	NGUYỄN KHÁNH LY	Nữ	01/06/2011	THCS Thi Sơn	8.25	8.75	8.25	0.00	0.00	25.25	
193	360311	TRẦN KHÁNH LY	Nữ	30/12/2011	THCS Tam Chúc	7.75	8.75	6.60	0.00	0.00	23.10	
194	360312	TRẦN KHÁNH LY	Nữ	07/05/2011	THCS Thi Sơn	7.75	8.50	5.60	0.00	0.00	21.85	
195	030072	ĐINH QUANG MINH	Nam	24/03/2011	THCS Thi Sơn	8.75	8.50	8.25	0.00	0.00	25.50	✗

TỈNH QUẢNG BÌNH

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm thi			Ưu tiên	Khuyến khích	Điểm xét tuyển	Ghi chú
						Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ				
196	360321	ĐINH THỊ NGỌC MINH	Nữ	29/03/2011	THCS Thi Sơn	6.00	6.75	4.60	0.00	0.00	17.35	
197	360324	LÊ VŨ MINH	Nam	26/08/2011	TH và THCS Liên Sơn	8.50	8.00	8.40	0.00	0.00	24.90	
198	360325	NGUYỄN BẢO MINH	Nam	07/06/2011	THCS Thanh Sơn	5.25	7.00	6.75	0.00	0.00	19.00	
199	360326	NGUYỄN BÌNH MINH	Nam	12/08/2011	THCS Thanh Sơn	6.25	8.00	3.50	0.00	0.00	17.75	
200	360328	NGUYỄN TUẤN MINH	Nam	19/06/2011	TH và THCS Liên Sơn	8.50	8.50	8.20	0.00	0.00	25.20	
201	360329	NGUYỄN VĂN MINH	Nam	04/06/2011	THCS Tam Chúc	7.00	8.50	7.35	0.00	0.00	22.85	
202	360330	TRẦN BÌNH MINH	Nam	08/12/2011	THCS Châu Sơn	7.50	7.50	5.20	0.00	0.00	20.20	
203	360332	TRẦN GIA MINH	Nam	23/06/2011	THCS Trần Quốc Toàn	5.75	7.25	4.75	0.00	0.00	17.75	
204	360333	TRẦN HOÀNG MINH	Nam	04/09/2011	THCS Tam Chúc	8.50	8.50	7.45	0.00	0.00	24.45	
205	360334	TRẦN TUỆ MINH	Nữ	04/06/2011	THCS Thanh Sơn	5.00	8.25	5.50	0.00	0.00	18.75	
206	360335	TRỊNH QUANG MINH	Nam	06/10/2011	THCS Thi Sơn	7.75	8.00	7.95	0.00	0.00	23.70	
207	360336	ĐẶNG THỊ TRÀ MY	Nữ	26/09/2011	THCS Thi Sơn	8.00	8.50	6.60	0.00	0.00	23.10	
208	360337	HOÀNG TRÀ MY	Nữ	05/10/2011	THCS Tam Chúc	8.00	6.50	4.60	0.00	0.00	19.10	
209	360339	NGUYỄN TRÀ MY	Nữ	17/09/2011	THCS Thi Sơn	7.75	8.25	8.10	0.00	0.00	24.10	
210	360338	NGUYỄN TRÀ MY	Nữ	22/08/2011	THCS Lê Hồng Phong	7.00	7.50	5.00	0.00	0.00	19.50	
211	360340	PHẠM TRÀ MY	Nữ	25/06/2011	THCS Thanh Sơn	7.50	7.25	5.75	0.00	0.00	20.50	
212	360342	TRẦN TRÀ MY	Nữ	07/08/2011	THCS Tam Chúc	7.00	7.75	3.50	0.00	0.00	18.25	
213	360346	NGUYỄN BẢO NAM	Nam	24/03/2011	THCS Thi Sơn	8.00	7.75	7.05	0.00	0.00	22.80	
214	360348	NGUYỄN HOÀNG BẢO NAM	Nam	10/07/2011	THCS Tam Chúc	6.50	6.75	5.50	0.00	0.00	18.75	
215	360349	NGUYỄN THÀNH NAM	Nam	22/08/2011	THCS Tam Chúc	8.25	7.25	5.00	0.00	0.00	20.50	
216	360350	NGUYỄN THÀNH NAM	Nam	08/09/2011	THCS Kim Bình	8.25	6.25	5.25	0.00	0.00	19.75	
217	360351	THIỀU QUANG NAM	Nam	13/10/2011	THCS Thanh Sơn	7.25	7.50	6.80	0.00	0.00	21.55	
218	360353	LÊ KIM NGÂN	Nữ	03/04/2011	THCS Thanh Sơn	8.00	7.00	6.95	0.00	0.00	21.95	
219	360356	HOÀNG THỊ NGỌC	Nữ	27/05/2011	TH và THCS Liên Sơn	7.25	8.25	5.10	0.00	0.00	20.60	
220	360357	LƯƠNG MINH NGỌC	Nam	20/05/2011	THCS Chu Văn An	8.50	7.50	8.15	0.00	0.00	24.15	
221	360360	NGUYỄN BẢO NGỌC	Nữ	02/01/2011	THCS Thi Sơn	9.00	8.50	8.15	0.00	0.00	25.65	
222	360358	NGUYỄN BẢO NGỌC	Nữ	14/08/2011	THCS Thanh Sơn	7.50	8.25	6.85	0.00	0.00	22.60	
223	360362	NGUYỄN THỊ BẢO NGỌC	Nữ	22/11/2011	THCS Thi Sơn	6.75	7.75	7.30	0.00	0.00	21.80	
224	360363	NGUYỄN THỊ BÍCH NGỌC	Nữ	19/06/2011	TH và THCS Liên Sơn	7.75	7.75	7.00	0.00	0.00	22.50	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm thi			Ưu tiên	Khuyến khích	Điểm xét tuyển	Ghi chú
						Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ				
225	360365	PHẠM BẢO NGỌC	Nữ	24/11/2011	THCS Thanh Sơn	8.00	7.50	7.10	0.00	0.00	22.60	
226	360366	PHAN MINH NGỌC	Nam	08/02/2011	THCS Thanh Sơn	7.50	6.50	6.10	0.00	0.00	20.10	
227	360367	TẠ BÍCH NGỌC	Nữ	19/02/2011	THCS Thi Sơn	8.00	8.00	6.30	0.00	0.00	22.30	
228	360369	LÊ HẢI NGUYÊN	Nam	15/01/2011	THCS Lê Hồng Phong	7.50	7.25	6.85	0.00	0.00	21.60	
229	360370	TRƯƠNG THỊ THẢO NGUYÊN	Nữ	30/09/2011	THCS Thanh Sơn	6.75	8.25	3.25	0.00	0.00	18.25	
230	360371	ĐÀO THỊ ÁNH NGUYỆT	Nữ	17/11/2011	THCS Thanh Sơn	6.00	6.50	5.60	0.00	0.00	18.10	
231	360373	PHẠM THỊ MINH NGUYỆT	Nữ	19/07/2011	THCS Thanh Sơn	8.00	7.00	6.50	0.00	0.00	21.50	
232	360374	LÊ THANH NHÀN	Nữ	15/01/2011	THCS Thanh Sơn	6.75	7.00	3.00	0.00	0.00	16.75	
233	360376	ĐÌNH MINH NHẬT	Nam	04/02/2011	THCS Thanh Sơn	7.50	7.75	7.20	0.00	0.00	22.45	
234	360378	ĐÌNH XUÂN NHI	Nữ	24/10/2011	THCS Tam Chúc	7.00	7.00	6.50	0.00	0.00	20.50	
235	360379	ĐÌNH YẾN NHI	Nữ	24/10/2011	THCS Tam Chúc	6.50	7.00	4.85	0.00	0.00	18.35	
236	360380	ĐỖ YẾN NHI	Nữ	29/07/2011	THCS Thi Sơn	7.50	7.25	6.35	0.00	0.00	21.10	
237	360381	LÊ YẾN NHI	Nữ	15/09/2011	THCS Thi Sơn	7.75	7.25	4.00	0.00	0.00	19.00	
238	360384	NGUYỄN THỊ YẾN NHI	Nữ	01/03/2011	THCS Thi Sơn	7.75	8.50	8.15	0.00	0.00	24.40	
239	360388	PHẠM QUỲNH NHI	Nữ	13/07/2011	THCS Thanh Sơn	5.75	8.25	5.85	0.00	0.00	19.85	
240	360392	NGUYỄN HỒNG NHUNG	Nữ	03/10/2011	THCS Thanh Sơn	6.75	7.50	5.50	0.00	0.00	19.75	
241	360393	NGUYỄN TRẦN BẢO NHUNG	Nữ	05/08/2011	THCS Thanh Sơn	7.50	8.50	8.55	0.00	0.00	24.55	
242	360395	ĐÌNH QUỲNH NHƯ	Nữ	16/10/2011	THCS Thi Sơn	8.50	8.25	8.15	0.00	0.00	24.90	
243	360397	NGUYỄN TÂN HIỆP PHÁT	Nam	08/06/2011	THCS Thanh Châu	7.50	5.75	4.50	0.00	0.00	17.75	
244	360398	LẠI KIỀU PHONG	Nam	25/03/2011	THCS Tam Chúc	7.00	8.00	5.50	0.00	0.00	20.50	
245	360399	NGUYỄN GIA PHONG	Nam	04/03/2011	THCS Thi Sơn	8.00	8.50	9.05	0.00	0.00	25.55	
246	360402	TRẦN ĐỨC PHONG	Nam	16/08/2011	THCS Chu Văn An	8.00	8.00	7.70	0.00	0.00	23.70	
247	360404	PHẠM MINH PHÚ	Nam	09/10/2011	THCS Thanh Sơn	8.50	7.75	7.45	0.00	0.00	23.70	
248	360405	LẠI HẢI PHÚC	Nam	10/12/2011	THCS Thanh Sơn	7.50	7.25	5.50	0.00	0.00	20.25	
249	360406	NGUYỄN TÂM PHÚC	Nam	07/03/2011	THCS Tam Chúc	6.75	8.50	7.45	0.00	0.00	22.70	
250	360409	ĐÌNH ANH QUANG	Nam	23/11/2011	THCS Thi Sơn	8.50	8.00	9.00	0.00	0.00	25.50	
251	030659	PHẠM XUÂN QUANG	Nam	26/03/2011	THCS Thi Sơn	8.75	7.75	6.85	0.00	0.00	23.35	✓
252	360415	HOÀNG MẠNH QUẢN	Nam	06/06/2011	THCS Chu Văn An	7.75	7.50	7.35	0.00	0.00	22.60	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm thi			Ưu tiên	Khuyến khích	Điểm xét tuyển	Ghi chú
						Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ				
253	360418	MÃ LỢI QUÝ	Nam	27/01/2011	THCS Lê Hồng Phong	2.50	7.75	5.50	1.00	0.00	16.75	
254	360419	PHẠM THẢO BẢO QUYÊN	Nữ	06/03/2011	THCS Thanh Sơn	8.00	8.75	7.25	0.00	0.00	24.00	
255	360420	NGUYỄN CÔNG QUYÊN	Nam	02/06/2011	THCS Tam Chúc	6.50	7.50	5.00	0.00	0.00	19.00	
256	360422	TRẦN MINH QUYẾT	Nam	22/10/2011	THCS Châu Sơn	6.75	7.00	2.85	0.00	0.00	16.60	
257	360423	LÊ THỊ QUỲNH	Nữ	02/06/2011	THCS Tam Chúc	6.75	8.00	6.50	0.00	0.00	21.25	
258	360424	NGUYỄN NHƯ QUỲNH	Nữ	13/11/2011	THCS Tam Chúc	8.00	7.75	8.15	0.00	0.00	23.90	
259	360425	TRƯƠNG MINH SANG	Nam	03/07/2011	THCS Thanh Sơn	7.50	7.25	6.35	0.00	0.00	21.10	
260	360426	VŨ ĐỨC TẤN SANG	Nam	01/06/2011	THCS Thanh Sơn	7.75	8.00	5.25	0.00	0.00	21.00	
261	360427	ĐINH VĂN SÁNG	Nam	28/08/2011	THCS Thi Sơn	6.25	8.25	5.25	0.00	0.00	19.75	
262	360430	PHẠM THÁI SƠN	Nam	01/08/2011	THCS Thi Sơn	7.75	7.00	5.85	0.00	0.00	20.60	
263	360432	ĐINH VĂN TÀI	Nam	30/04/2011	THCS Thi Sơn	8.00	8.50	8.00	0.00	0.00	24.50	
264	360434	PHẠM TẤN TÀI	Nam	29/09/2011	THCS Tam Chúc	6.75	6.25	6.25	0.00	0.00	19.25	
265	360436	ĐÀO MINH TÂM	Nữ	02/08/2011	TH và THCS Liên Sơn	7.75	8.00	6.80	0.00	0.00	22.55	
266	360440	NGUYỄN THANH TÂN	Nam	09/11/2011	THCS Thanh Sơn	7.50	7.75	5.50	0.00	0.00	20.75	
267	360441	TRẦN VIỆT THANH	Nam	02/10/2011	THCS Chu Văn An	7.50	6.50	6.10	0.00	0.00	20.10	
268	360442	NGUYỄN TIẾN THÀNH	Nam	05/06/2011	THCS Tam Chúc	6.50	6.25	3.85	0.00	0.00	16.60	
269	360443	NGUYỄN TIẾN THÀNH	Nam	25/02/2011	THCS Thanh Sơn	7.25	6.25	3.00	0.00	0.00	16.50	
270	360447	LÊ PHƯƠNG THẢO	Nữ	17/06/2011	THCS Thi Sơn	6.75	8.00	5.30	0.00	0.00	20.05	
271	360450	NGUYỄN THANH THẢO	Nữ	17/10/2011	THCS Chu Văn An	8.00	8.25	8.60	0.00	0.00	24.85	
272	360455	NGUYỄN HỮU THẮNG	Nam	30/12/2011	THCS Lê Hồng Phong	7.50	4.50	5.75	0.00	0.00	17.75	
273	360457	PHẠM QUANG THẮNG	Nam	25/04/2011	THCS Thanh Sơn	7.25	7.25	7.20	0.00	0.00	21.70	
274	360458	PHẠM VĂN THẮNG	Nam	14/09/2011	THCS Thanh Sơn	7.50	6.00	3.50	0.00	0.00	17.00	
275	360459	NGUYỄN CHÍ THIỆN	Nam	12/03/2011	THCS Lê Hồng Phong	5.75	5.75	5.00	0.00	0.00	16.50	
276	360460	NGUYỄN ĐỨC THIỆN	Nam	14/01/2011	THCS Thi Sơn	7.50	8.50	4.70	0.00	0.00	20.70	
277	360461	NGUYỄN TRỌNG THIỆN	Nam	25/10/2011	TH và THCS Liên Sơn	8.50	7.75	5.55	0.00	0.00	21.80	
278	360463	TRẦN ĐỨC THIỆN	Nam	08/08/2011	THCS Lương Khánh Thiện	7.00	7.00	3.75	0.00	0.00	17.75	
279	360464	TRẦN QUANG KHÁNH THIỆN	Nam	06/11/2011	THCS Tam Chúc	6.75	5.00	5.10	0.00	0.00	16.85	
280	360465	TRỊNH ĐỨC THIỆN	Nam	16/07/2011	THCS Thi Sơn	7.75	7.50	7.05	0.00	0.00	22.30	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm thi			Ưu tiên	Khuyến khích	Điểm xét tuyển	Ghi chú
						Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ				
281	360468	LÊ ANH THO	Nữ	06/06/2011	THCS Thanh Sơn	6.75	7.00	5.50	0.00	0.00	19.25	
282	360469	ĐÌNH THỊ THU	Nữ	07/11/2011	THCS Thi Sơn	5.75	7.75	5.45	0.00	0.00	18.95	
283	360470	LẠI DUY THUẬN	Nam	03/02/2011	THCS Tam Chúc	8.50	7.00	7.35	0.00	0.00	22.85	
284	360472	THÁI PHƯƠNG THUY	Nữ	23/01/2011	THCS Tam Chúc	6.25	8.25	6.70	0.00	0.00	21.20	
285	360471	PHẠM THỊ THANH THUY	Nữ	20/10/2011	THCS Thanh Sơn	8.00	8.25	5.60	0.00	0.00	21.85	
286	360476	BÙI ANH THU	Nữ	10/02/2011	THCS Tam Chúc	8.00	8.00	7.80	0.00	0.00	23.80	
287	360477	LÊ ANH THU	Nữ	15/08/2011	THCS Tam Chúc	8.50	8.25	8.10	0.00	0.00	24.85	
288	360478	NGUYỄN ANH THU	Nữ	28/04/2011	THCS Tam Chúc	7.75	7.50	4.45	0.00	0.00	19.70	
289	360479	NGUYỄN MINH THU	Nữ	15/10/2011	THCS Nhật Tân	6.50	6.25	5.00	0.00	0.00	17.75	
290	360480	PHẠM KHÁNH THU	Nữ	24/08/2011	THCS Trần Phú	6.25	8.25	5.55	0.00	0.00	20.05	
291	030944	TRẦN MINH THU	Nữ	25/08/2011	THCS Thanh Sơn	7.75	7.50	7.30	0.00	0.00	22.55	x
292	360481	ĐÌNH HỮU THỨC	Nam	13/11/2011	THCS Thi Sơn	8.00	8.50	6.80	0.00	0.00	23.30	
293	360482	BÙI XUÂN TIẾN	Nam	11/04/2011	THCS Lê Hồng Phong	7.00	7.50	8.05	0.00	0.00	22.55	
294	360483	ĐÌNH KHẮC TIẾN	Nam	29/11/2011	THCS Thanh Sơn	6.50	6.25	6.70	0.00	0.00	19.45	
295	360485	NGUYỄN ĐỨC TOÀN	Nam	07/06/2011	THCS Thanh Sơn	5.50	7.00	4.75	0.00	0.00	17.25	
296	360486	LÊ ANH TRÀ	Nữ	23/02/2011	THCS Thanh Sơn	6.00	7.75	4.75	0.00	0.00	18.50	
297	360487	DƯƠNG THUY TRANG	Nữ	19/05/2011	THCS Lê Hồng Phong	6.00	7.50	6.30	0.00	0.00	19.80	
298	360489	MAI VŨ DIỆU TRANG	Nữ	10/04/2011	THCS Tam Chúc	7.50	8.75	8.70	0.00	0.00	24.95	
299	360490	NGUYỄN HUYỀN TRANG	Nữ	31/12/2011	THCS Tam Chúc	7.50	8.25	8.60	0.00	0.00	24.35	
300	360492	TẠ HUYỀN TRANG	Nữ	08/08/2011	THCS Kim Bình	7.25	8.25	5.45	0.00	0.00	20.95	
301	360493	VŨ THỊ MAI TRANG	Nữ	02/05/2011	THCS Thanh Sơn	8.50	8.00	4.95	0.00	0.00	21.45	
302	360494	ĐẶNG BẢO TRÂM	Nữ	15/09/2011	THCS Thi Sơn	2.75	6.50	7.50	0.00	0.00	16.75	
303	360495	ĐẶNG THỊ BẢO TRÂM	Nữ	02/07/2011	THCS Thi Sơn	6.75	8.75	7.15	0.00	0.00	22.65	
304	360496	PHẠM NGỌC BẢO TRÂM	Nữ	26/11/2011	TH và THCS Liên Sơn	8.25	8.00	7.25	0.00	0.00	23.50	
305	360497	VŨ NGỌC BẢO TRÂM	Nữ	03/11/2011	THCS Lê Hồng Phong	5.00	7.25	7.15	0.00	0.00	19.40	
306	360498	LƯU TUYẾT TRẦN	Nữ	18/10/2011	THCS Thanh Sơn	6.75	8.25	7.65	0.00	0.00	22.65	
307	360499	LÊ MINH TRÍ	Nam	25/08/2011	THCS Tam Chúc	6.00	6.00	5.25	0.00	0.00	17.25	
308	360500	NGUYỄN THẾ TRIỆU	Nam	01/04/2011	THCS Thi Sơn	6.50	8.50	6.55	0.00	0.00	21.55	
309	360502	NGUYỄN THỊ HOÀNG TRÚC	Nữ	21/09/2011	THCS Thanh Sơn	7.75	7.50	3.30	0.00	0.00	18.55	

STT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm thi			Ưu tiên	Khuyến khích	Điểm xét tuyển	Ghi chú
						Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ				
10	360503	NGUYỄN THỊ THANH TRÚC	Nữ	07/05/2011	THCS Thi Sơn	8.25	8.25	7.55	0.00	0.00	24.05	
11	360504	ĐỖ VĂN TRUNG	Nam	01/02/2011	THCS Thi Sơn	8.00	8.25	5.80	0.00	0.00	22.05	
12	360505	LẠI ĐỨC TRUNG	Nam	26/07/2010	THCS Lê Hồng Phong	7.00	7.00	5.80	0.00	0.00	19.80	
13	360506	NGUYỄN HOÀNG TRUNG	Nam	17/09/2011	THCS Thanh Sơn	8.50	9.00	8.15	0.00	0.00	25.65	
14	360507	TRỊNH QUỐC TRUNG	Nam	17/09/2011	THCS Thi Sơn	6.00	8.25	4.10	0.00	0.00	18.35	
15	360510	NGUYỄN TRỌNG TRƯỜNG	Nam	28/12/2011	THCS Thanh Sơn	8.00	7.75	7.00	0.00	0.00	22.75	
16	360511	ĐINH HỮU TUẤN TỬ	Nam	06/06/2011	THCS Chu Văn An	8.25	9.25	8.35	0.00	0.00	25.85	
17	360512	ĐINH TUẤN TỬ	Nam	09/08/2011	THCS Thi Sơn	8.00	8.50	3.35	0.00	0.00	19.85	
18	360513	ĐINH VĂN TỬ	Nam	11/07/2011	THCS Thi Sơn	7.50	8.00	6.35	0.00	0.00	21.85	
19	360514	HOÀNG CẨM TÚ	Nữ	22/11/2011	TH và THCS Liên Sơn	8.50	8.50	6.85	0.00	0.00	23.85	
20	360515	HOÀNG THỊ CẨM TÚ	Nữ	06/08/2011	THCS Tam Chúc	6.00	8.25	5.10	0.00	0.00	19.35	
21	360516	NGUYỄN THANH TỬ	Nữ	01/12/2011	THCS Tam Chúc	7.50	8.50	8.05	0.00	0.00	24.05	
22	360518	TẠ ANH TỬ	Nam	20/04/2011	THCS Phù Vân	5.50	7.50	5.00	0.00	0.00	18.00	
23	360522	ĐAN ĐÌNH TÙNG	Nam	01/09/2011	THCS Lê Hồng Phong	6.75	8.25	6.60	0.00	0.00	21.60	
24	360523	ĐINH QUANG TÙNG	Nam	30/12/2011	THCS Thi Sơn	5.75	7.75	7.20	0.00	0.00	20.70	
25	360527	TRỊNH HOÀNG TÙNG	Nam	08/05/2011	THCS Tam Chúc	9.50	8.25	7.55	0.00	0.00	25.30	
26	360528	VŨ ANH TÙNG	Nam	08/07/2011	THCS Tam Chúc	8.00	8.00	7.70	0.00	0.00	23.70	
27	360530	LƯƠNG THỊ TƯƠI	Nữ	05/10/2011	THCS Thi Sơn	8.00	8.75	6.90	0.00	0.00	23.65	
28	360532	DƯƠNG PHƯƠNG UYÊN	Nữ	27/06/2011	THCS Chu Văn An	6.25	7.00	4.60	0.00	0.00	17.85	
29	360533	NGUYỄN NGỌC MAI UYÊN	Nữ	17/10/2011	TH và THCS Liên Sơn	6.00	7.50	3.85	0.00	0.00	17.35	
30	360534	NGUYỄN PHƯƠNG UYÊN	Nữ	24/11/2011	THCS Thi Sơn	8.00	9.00	7.40	0.00	0.00	24.40	
31	360535	TRẦN TÚ UYÊN	Nữ	25/09/2011	THCS Kim Bình	8.00	7.25	8.05	0.00	0.00	23.30	
32	360536	BÙI THỊ VÂN	Nữ	26/06/2011	THCS Thi Sơn	5.50	8.50	4.85	0.00	0.00	18.85	
33	360537	TRẦN HẢI VÂN	Nam	22/08/2011	TH và THCS Liên Sơn	8.00	7.25	6.20	0.00	0.00	21.45	
34	360540	ĐỖ TƯỜNG VI	Nữ	25/04/2011	THCS Thi Sơn	6.50	8.50	7.35	0.00	0.00	22.35	
35	360541	TRẦN VĂN VIỆT	Nam	02/02/2011	THCS Chu Văn An	5.75	7.50	4.75	0.00	0.00	18.00	
36	360542	ĐINH THẾ VINH	Nam	06/06/2011	THCS Thanh Sơn	6.75	7.50	7.05	0.00	0.00	21.30	
37	360543	LÊ QUANG VINH	Nam	19/02/2011	THCS Tam Chúc	7.25	7.50	6.35	0.00	0.00	21.10	
38	360544	ĐINH QUANG VŨ	Nam	18/04/2011	THCS Lê Hồng Phong	7.75	8.00	6.50	0.00	0.00	22.25	

TT	SBD	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Trường THCS	Điểm thi			Ưu tiên	Khuyến khích	Điểm xét tuyển	Ghi chú
						Toán	Ngữ văn	Ngoại ngữ				
339	360545	KIỀU ANH VŨ	Nam	22/06/2011	THCS Thi Sơn	8.50	7.25	5.35	0.00	0.00	21.10	
340	360546	NGUYỄN MINH VŨ	Nam	10/04/2011	THCS Tam Chúc	6.25	7.75	5.25	0.00	0.00	19.25	
341	360547	TẶNG TẤN VŨ	Nam	03/11/2011	THCS Thi Sơn	7.00	7.50	5.10	0.00	0.00	19.60	
342	360549	ĐẶNG NGUYỄN HÀ VY	Nữ	29/06/2011	THCS Thi Sơn	6.25	8.25	6.10	0.00	0.00	20.60	
343	360550	ĐINH THỊ THẢO VY	Nữ	02/01/2011	THCS Thi Sơn	8.50	8.50	7.50	0.00	0.00	24.50	
344	360552	NGUYỄN HÀ VY	Nữ	02/07/2011	THCS Chu Văn An	8.50	7.00	8.25	0.00	0.00	23.75	
345	360553	NGUYỄN THỊ TƯỜNG VY	Nữ	26/01/2011	THCS Thanh Sơn	6.75	8.00	4.60	0.00	0.00	19.35	
346	360554	TẠ PHƯƠNG VY	Nữ	20/04/2011	THCS Kim Bình	7.75	7.50	6.50	0.00	0.00	21.75	
347	360555	TRƯƠNG THỊ TƯỜNG VY	Nữ	13/04/2011	THCS Thanh Sơn	9.00	9.00	6.70	0.00	0.00	24.70	
348	360558	VƯƠNG NHƯ Ý	Nữ	19/08/2011	THCS Tam Chúc	6.50	7.75	6.50	0.00	0.00	20.75	
349	360559	CHU BẢO YẾN	Nữ	16/10/2011	TH và THCS Liên Sơn	7.75	7.75	7.20	0.00	0.00	22.70	
350	360560	ĐẶNG HẢI YẾN	Nữ	14/06/2011	THCS Thi Sơn	8.00	9.00	8.60	0.00	0.00	25.60	
351	360563	VŨ HẢI YẾN	Nữ	26/10/2011	THCS Lê Hồng Phong	5.00	7.00	5.25	0.00	0.00	17.25	

Danh sách này gồm 351 học sinh được công nhận trúng tuyển vào lớp 10 THPT năm học 2026-2027 theo điểm xét tuyển, có điểm xét tuyển từ 16.50 trở lên và bảo đảm các điều kiện, tiêu chí khác theo quy định.

Danh sách này gồm 13 trang./.

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THPT
LÝ THƯỜNG KIỆT

PHÒNG GIÁO DỤC TRUNG HỌC

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



HIỆU TRƯỞNG
Phạm Thị Thanh Lan

Đỗ Cát Tường
Đỗ Cát Tường



PHÓ GIÁM ĐỐC
BÙI VĂN KHIẾT